

Số: 56/QĐ-CBQLGDHCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận tốt nghiệp và cấp Chứng chỉ cho học viên
Lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý trường THPT Bình Phước,
năm học 2017 - 2018**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT, ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-CBQLGDHCM, ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. HCM về việc ban hành Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và khen thưởng học viên các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp và cấp chứng chỉ các khoá bồi dưỡng của Trường, ngày 16 tháng 01 năm 2018;

Theo đề nghị Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ cho 65 học viên lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý trường THPT Bình Phước, năm học 2017 - 2018, học từ 13/07/2017 đến 25/9/2017 tại Sở GD-ĐT Bình Phước (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trường phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

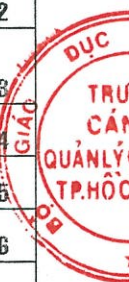
- Như điều 3 (để thi hành);
- Sở GD-ĐT Bình Phước (để biết);
- Lưu: Đào tạo, Văn thư.



PGS.TS. Hà Thanh Việt

DANH SÁCH HỌC VIÊN
LỚP BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG THPT
BÌNH PHƯỚC, NĂM HỌC 2017 – 2018 ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ
(Kèm theo Quyết định số: 56/QĐ-CBQLGDHCM ngày 16 tháng 01 năm 2018)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH (Tỉnh/TP)	ĐIỂM	XẾP LOẠI	SỐ HIỆU VCCC
1	LÊ HOÀNG ANH	1980	Quảng Trị	8.1	Khá	QLPT/07141
2	NINH THỊ NGỌC ÁNH	1982	Bình Dương	7.8	Khá	QLPT/07142
3	LỤC HỮU BẰNG	1983	Thái Nguyên	7.8	Khá	QLPT/07143
4	LÂM THANH BÌNH	1976	Bình Phước	7.9	Khá	QLPT/07144
5	NGUYỄN HỮU CHẤN	1983	Bình Định	8.1	Khá	QLPT/07145
6	LƯƠNG VĂN CƯƠNG	1979	Ninh Bình	7.7	Khá	QLPT/07146
7	NGUYỄN VĂN DIỄN	1978	Thái Bình	8.4	Khá	QLPT/07147
8	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	1978	Thanh Hóa	7.9	Khá	QLPT/07148
9	NGUYỄN NĂNG ĐÔNG	1982	Thanh Hóa	7.3	Khá	QLPT/07149
10	CAO NGỌC DŨNG	1979	Phú Thọ	7.4	Trung Bình	QLPT/07150
11	NGUYỄN HỮU DŨNG	1984	Bình Phước	7.6	Khá	QLPT/07151
12	LÊ NGỌC DƯƠNG	1974	Thanh Hóa	7.5	Trung Bình	QLPT/07152
13	HUỲNH VĂN ĐƯỜNG	1976	Bình Định	8.1	Khá	QLPT/07153
14	NGUYỄN THỊ TRÚC	1983	Bình Phước	7.9	Khá	QLPT/07154
15	BÙI XUÂN HAI	1981	Thanh Hoá	8.0	Khá	QLPT/07155
16	NGUYỄN VĂN HẢI	1980	Thanh Hóa	7.4	Khá	QLPT/07156
17	NGUYỄN THANH HẢI	1982	Bình Dương	7.9	Khá	QLPT/07157
18	VŨ MINH HẰNG	1982	Nghệ An	7.9	Khá	QLPT/07158
19	LÊ THỊ HẰNG	1978	Thanh Hóa	7.7	Khá	QLPT/07159
20	BÙI PHƯỚC HẠNH	1969	Nam Định	8.1	Khá	QLPT/07160
21	VÕ THỊ HẠNH	1982	Hà Tĩnh	7.5	Khá	QLPT/07161
22	NGUYỄN THỊ HIỀN	1980	Nam Định	8.2	Khá	QLPT/07162
23	HỒ ĐỨC HIẾU	1978	Nghệ An	7.8	Khá	QLPT/07163



SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	NƠI SINH (Tỉnh/TP)	ĐIỂM	XẾP LOẠI	SỐ HIỆU VCCC
24	NGUYỄN HỮU	HIẾU	1980	Nghệ An	8.1	Khá	QLPT/07164
25	HOÀNG	HÒA	1979	TThiên Huế	7.7	Khá	QLPT/07165
26	ĐOÀN NGỌC	HOÀNG	1984	Thanh Hóa	7.8	Khá	QLPT/07166
27	LÊ QUỐC	HOÀNG	1980	Bình Định	7.7	Khá	QLPT/07167
28	TRẦN THỊ	HÔNG	1983	Thanh Hóa	8.3	Khá	QLPT/07168
29	TRẦN THỊ MỸ	HUỆ	1978	Bình Phước	8.3	Khá	QLPT/07169
30	PHẠM TIẾN	HÙNG	1981	Thanh Hóa	7.5	Khá	QLPT/07170
31	PHÙNG THỊ	HUY	1978	Hà Tĩnh	8.0	Trung Bình	QLPT/07171
32	HÀ THỊ THANH	HUYỀN	1980	Quảng Bình	7.6	Khá	QLPT/07172
33	NGUYỄN ĐỖ TRỌNG	KHÔI	1984	Bình Phước	7.5	Khá	QLPT/07173
34	NGUYỄN THỊ	LÁNH	1982	Quảng Trị	8.1	Khá	QLPT/07174
35	NGUYỄN VĂN	LINH	1980	Bình Định	7.0	Khá	QLPT/07175
36	DƯƠNG HOÀI	LINH	1981	Quảng Bình	7.8	Khá	QLPT/07176
37	BA THỊ MINH	MỸ	1978	Bình Phước	8.1	Khá	QLPT/07177
38	HỒ HẢI	NAM	1975	Nghệ An	8.3	Khá	QLPT/07178
39	NGUYỄN KIM	NGHĨA	1977	Thái Bình	7.3	Trung Bình	QLPT/07179
40	NGUYỄN VĂN	NGHIÊM	1979	Hà Nam	7.0	Trung Bình	QLPT/07180
41	HỒ VIỆT	NGHÌN	1978	Quảng Nam	8.5	Khá	QLPT/07181
42	NGUYỄN VĂN	NHÂN	1980	Thanh Hóa	8.0	Khá	QLPT/07182
43	ÔNG Á	PHONG	1989	Tuyên Quang	7.3	Khá	QLPT/07183
44	TRẦN HÔNG	PHƯỚC	1975	Gia Lai	7.4	Trung Bình	QLPT/07184
45	NGUYỄN VĂN	QUANG	1973	Bình Định	8.3	Khá	QLPT/07185
46	NGUYỄN HỮU	QUYỀN	1982	Nam Định	7.7	Khá	QLPT/07186
47	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	1970	Đồng Nai	8.4	Khá	QLPT/07187
48	NGUYỄN VĂN	TÂM	1980	Nghệ An	8.0	Khá	QLPT/07188
49	LÊ	TÂM	1983	Sông Bé	7.7	Khá	QLPT/07189
50	TRẦN NGỌC	TÂN	1976	Quảng Nam	8.0	Khá	QLPT/07190
51	NGUYỄN VĂN	THẠCH	1970	Bình Phước	7.6	Khá	QLPT/07191
52	NGUYỄN THỊ	THẨM	1978	Bình Định	8.8	Khá	QLPT/07192

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH (Tỉnh/TP)	ĐIỂM	XẾP LOẠI	SỐ HIỆU VCCC
53	NGUYỄN ĐÌNH THÁM	1979	QN-Đà Nẵng	8.0	Khá	QLPT/07193
54	LÊ HỒNG THÂN	1978	Hà Tĩnh	8.1	Khá	QLPT/07194
55	LÊ VĂN THẮNG	1983	Thanh Hóa	8.4	Khá	QLPT/07195
56	PHAN NGỌC THỊNH	1983	Thái Bình	7.7	Khá	QLPT/07196
57	HỒ SỸ THỌ	1983	Hà Tĩnh	7.8	Khá	QLPT/07197
58	HUỲNH VĂN THÔNG	1978	Quảng Ngãi	7.7	Khá	QLPT/07198
59	VÕ VĂN THUYẾT	1971	Nghệ An	7.5	Trung Bình	QLPT/07199
60	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	1973	Quảng Ngãi	8.0	Khá	QLPT/07200
61	NGUYỄN HỮU TOÀN	1976	Bình Định	8.2	Khá	QLPT/07201
62	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	1982	Thanh Hóa	7.8	Khá	QLPT/07202
63	NGUYỄN ANH TUẤN	1973	Quảng Ngãi	7.8	Khá	QLPT/07203
64	HUỲNH ĐỨC TUẤN	1980	Đắc Lắc	7.9	Khá	QLPT/07204
65	HUỲNH THỊ PHI YẾN	1985	Bình Dương	8.1	Khá	QLPT/07205

Danh sách có 65 học viên [✓]
(Khá: 58 hv; TrB: 07 hv)



HIỆU TRƯỞNG ^{nhu}

PGS.TS. Hà Thanh Việt